

| | | | |
|---------------------------|-------------------|--------------|--------------|
| Ngày 31/12/2024 | 70,000 VNĐ | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -2.9% | -6.4% | -8.1% |

| | |
|------------|--------------------------|
| 2024 | |
| ROE | 5.1% |
| | +/- YoY ▲ 3.9% |

| | |
|-----------------|--|
| Q4/24 | |
| DT thuần | 22,702 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▲ 1,215 ▲ 5.7% |
| | YoY ▲ 1,920 ▲ 9.2% |

| | |
|-----------------|--|
| 2024 | |
| DT thuần | 83,178 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 4,926 ▲ 6.3% |

| | |
|---------------|---|
| Q4/24 | |
| LN gộp | 7,063 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▲ 642 ▲ 10.0% |
| | YoY ▲ 1,295 ▲ 22.4% |

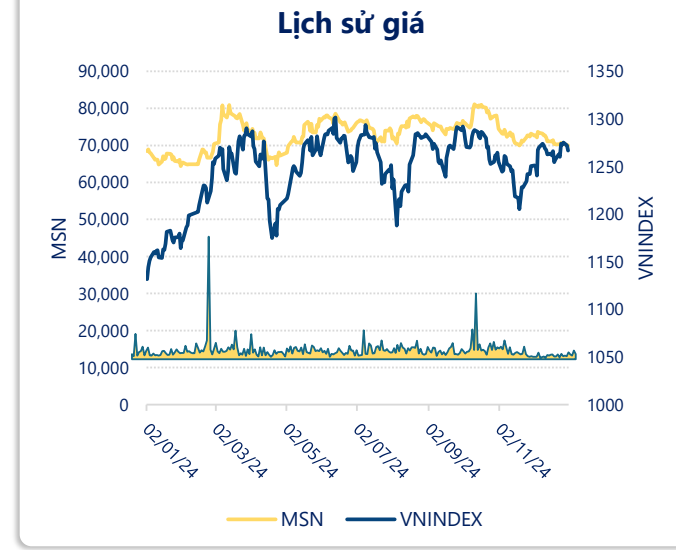
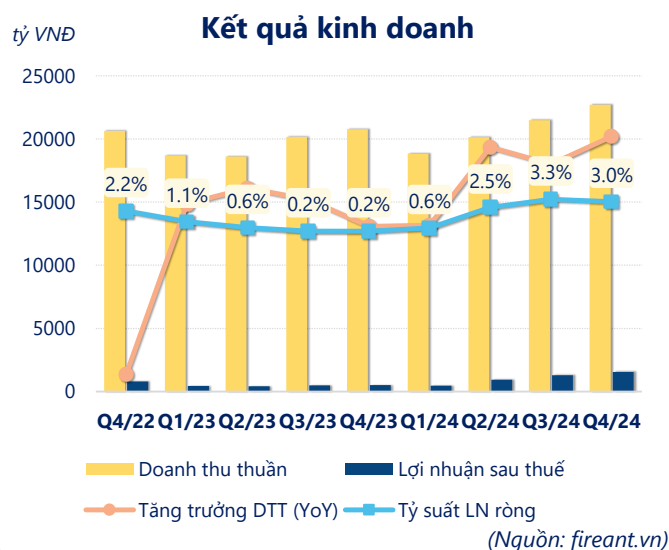
| | |
|---------------|---|
| 2024 | |
| LN gộp | 24,656 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 2,535 ▲ 11.5% |

| | |
|-----------------|--|
| Q4/24 | |
| LN thuần | 3,367 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▲ 1,773 ▲ 111% |
| | YoY ▲ 2,474 ▲ 277% |

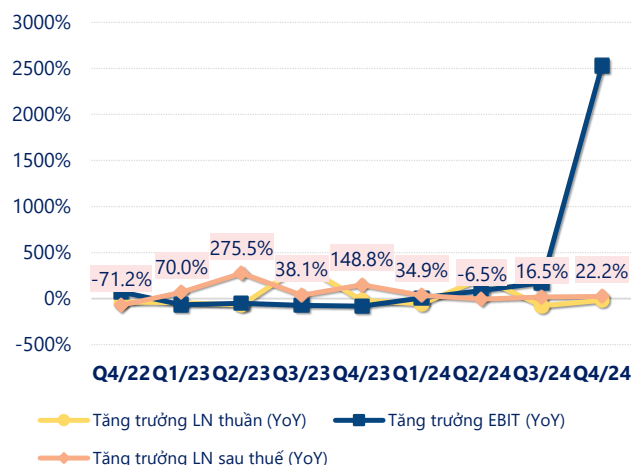
| | |
|-----------------|--|
| 2024 | |
| LN thuần | 6,761 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 4,411 ▲ 188% |

| | |
|--------------------|--|
| Q4/24 | |
| LN sau thuế | 1,547 |
| tỷ VNĐ | |
| | QoQ ▲ 246 ▲ 18.9% |
| | YoY ▲ 1,030 ▲ 199% |

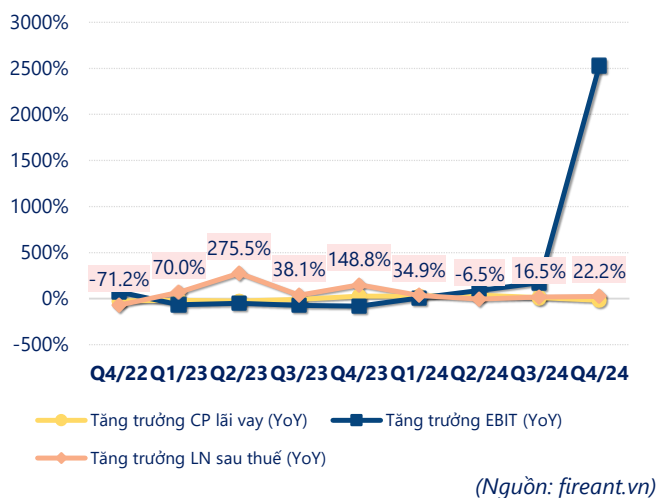
| | |
|--------------------|--|
| 2024 | |
| LN sau thuế | 4,272 |
| tỷ VNĐ | |
| | YoY ▲ 2,402 ▲ 128% |



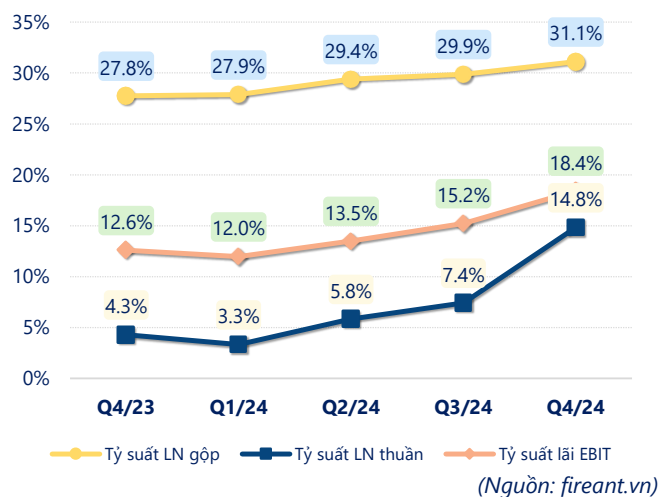
Tăng trưởng lợi nhuận



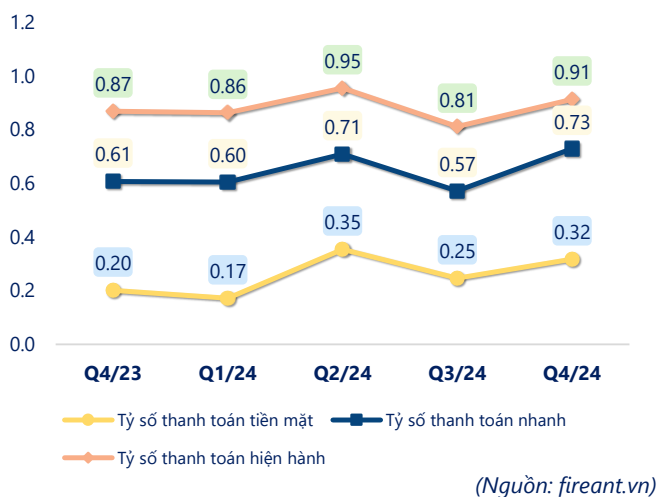
Tăng trưởng chi phí



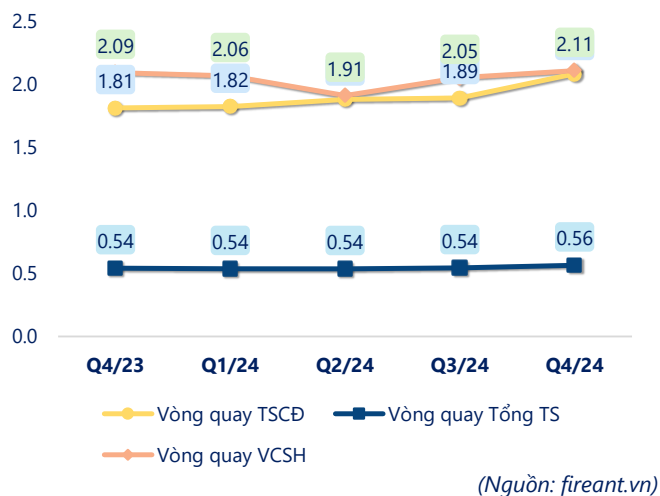
Tỷ suất lợi nhuận



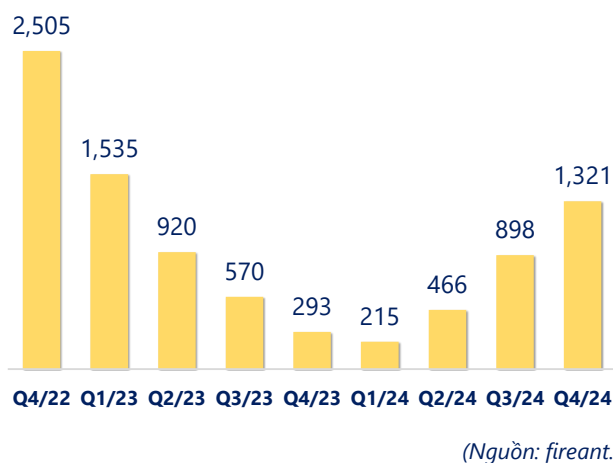
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q4/24 | Q4/23 | Thay đổi YoY | 2024 | 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|---------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 22,702 | 20,782 | 9.2% | 83,178 | 78,252 | 6.3% |
| Giá vốn hàng bán | 15,639 | 15,014 | 4.2% | 58,522 | 56,131 | 4.3% |
| Lợi nhuận gộp | 7,063 | 5,768 | 22.4% | 24,656 | 22,121 | 11.5% |
| Doanh thu HĐTC | 1,968 | 644 | 206% | 4,044 | 2,405 | 68.1% |
| Chi phí TC | 1,917 | 1,615 | 18.7% | 7,900 | 8,130 | -2.8% |
| Chi phí lãi vay | 1,526 | 1,669 | -8.5% | 6,405 | 6,946 | -7.8% |
| LN trong công ty LKLD | 764 | 946 | -19.3% | 4,444 | 3,896 | 14.1% |
| Chi phí bán hàng | 3,605 | 3,820 | -5.6% | 14,565 | 14,192 | 2.6% |
| Chi phí QLDN | 906 | 1,030 | -12.1% | 3,917 | 3,750 | 4.5% |
| LN thuần từ HĐKD | 3,367 | 893 | 277% | 6,761 | 2,350 | 188% |
| Lợi nhuận khác | -710 | 54.8 | -1395% | -736 | 213 | -446% |
| LN trước thuế | 2,657 | 948 | 180% | 6,025 | 2,563 | 135% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1,547 | 517 | 199% | 4,272 | 1,870 | 128% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 691 | 50.1 | 1279% | 1,999 | 419 | 377% |

(Nguồn: fireant.vn)

